TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2018/QĐST-HNGĐ	*Kỳ Anh, ngày 23 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến B

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 05 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 05 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tiến B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng N – Sinh ngày: 13 tháng 05 năm 2001

Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu

lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Toà án.

Anh Nguyễn Tiến B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị T.

Anh Nguyễn Tiến B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung:

Công nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng đã đạt được tại Biên bản lập ngày 12 – 3 – 2018, giao cho anh Nguyễn Tiến B được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng (và hiện nay anh Nguyễn Tiến B đang trực tiếp quản lý, sử dụng) bao gồm:

- 01 thửa đất số hiệu 00, tờ bản đồ trích đo, địa chỉ Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích là 1225m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 925m^2 đất trồng cây lâu năm, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00233 ngày 21 – 6 – 2013 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh phát hành.

Vị trí, kích thước, ranh giới thửa đất: Phía Bắc là đường gấp khúc gồm 3 đoạn, đoạn thứ nhất dài 34m, đoạn thứ hai dài 3m, đoạn thứ ba dài 14,5m đều giáp đất bà H; phía Nam dài 39m giáp đất ông Bàn; phía Tây dài 27m giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Đông dài 30m giáp đường liên gia (có sơ đồ kèm theo).

- 01 ngôi nhà cấp IV và các công trình phụ xây dựng trên thửa đất nêu trên.

- 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 38K2-7984, đăng ký xe mang tên Nguyễn Tiến B.

Anh Nguyễn Tiến B có nghĩa vụ phải đưa lại cho chị Trần Thị T 104.000.000đ (Một trăm linh bốn triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản.

Về án phí: Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, chị Trần Thị T thỏa thuận nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng đ□ợc khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005210 ngày 26 – 3 – 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Trần Thị T được hoàn lại 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (Chị T, anh B);
- VKS huyện Kỳ Anh;
- UBND xã B, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Hoàng Ngọc Tùng